

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 68/2018/DS-ST

Ngày: 10/10/2018

V/v: “Tranh chấp về hụi”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thiều Thị Phi Loan – Cán bộ hưu trí.
2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên – Hội liên hiệp phụ nữ thành phố Biên Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Trần Ngọc Phương Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Thông – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B – tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 132/2018/TLST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2018 về việc “Tranh chấp về hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2018/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2018 và Thông báo dời lịch ngày 13 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Trương Minh Th**, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: Số 990/5, khu phố 3, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Bà **Bùi Thị T**, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Số 13/2, khu phố 4, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Ông Th, bà T có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/01/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 25/01/2018, bản tự khai và tại các buổi hòa giải nguyên đơn ông Trương Minh Th trình bày:

Ngày 10/10/2016, ông có chơi 01 dây hụi do bà Bùi Thị Th làm cái, theo đó dây hụi này gồm 16 thành viên cùng chơi, mỗi tháng góp là 5.000.000đ, ông đã góp được 11 kỳ với tổng số tiền là 36.000.000đ. Sau đó, ông không tiếp tục góp nữa do lúc đầu có thỏa thuận với bà Th nếu ông đóng tới kỳ cuối cùng của dây hụi với bà Thiện thì ông sẽ đóng 3.000.000đ/kỳ, tính đến ngày 10/5/2017 thì ông đóng được 8 kỳ (3.000.000đ/kỳ) tổng cộng là 3.000.000đ x 8 kỳ = 24.000.000đ. Tiếp theo ông đóng được 03 kỳ, mỗi kỳ 4.000.000đ, với số tiền 12.000.000đ, bà Th nói nếu đóng nữa thì hàng tháng lời 1.000.000đ còn nếu không đóng thì đến cuối kỳ hụi là ngày 10/01/2018 thì bà Thiện sẽ giao cho ông 11 kỳ hụi theo giấy mà bà Th ghi cho ông là 55.000.000đ. Tuy nhiên, cho đến

nay bà Thiện vẫn chưa giao cho ông bất kỳ đồng nào. Qua nhiều lần yêu cầu bà Th phải thanh toán 11 kỳ hui cho ông nhưng không được nên ông đề nghị Tòa án tuyên buộc bà Th phải thanh toán cho ông số tiền của 11 kỳ hui là 55.000.000đ theo như lời hứa của bà Thiện.

Đối với việc bà Th cho rằng ông có vay của bà Th 40.000.000đ ngày 10/5/2017 nên đã cản trừ vào tiền hui ông không đồng ý. Vì thực tế giữa ông và bà Th không có quan hệ vay mượn tiền gì của nhau mà bản chất của giấy vay mượn tiền ngày 10/5/2017 là tiền hui chết của 01 dây hui khác đã dứt điểm trước đó, do ông không chỉ chơi 01 dây hui do bà Th làm cái mà ông chơi rất nhiều dây hui nhưng tất cả đã dứt điểm chỉ còn lại dây hui ông đang khởi kiện. Bà Th yêu cầu ông ký vào giấy mượn tiền này và nói với ông tất cả các thành viên tham gia chơi hui đều phải ký vào giấy vay mượn tiền này nên ông mới yên tâm ký vào.

Theo biên bản làm việc ngày 18/4/2018 bà Bùi Thị T trình bày: Ông Thảo là thành viên chơi hui do bà làm cái. Ông Th chơi nhiều dây hui chứ không phải 01 dây hui như khởi kiện. Tuy nhiên, những dây hui trước đây đều đã dứt điểm chỉ còn lại dây hui mà ông Th đang khởi kiện. Bà thừa nhận ông Th đã đóng cho bà 11 kỳ hui, mỗi kỳ đóng 4.000.000đ, ăn 5.000.000đ. Tuy nhiên, ngày 10/5/2017 ông Th có vay của bà số tiền 40.000.000đ, có viết giấy tay. Do đó, bà đã cản trừ số tiền 40.000.000đ ông Th vay, còn 15.000.000đ bà đã thanh toán đầy đủ cho ông Th, khi giao 15.000.000đ cho ông Th thì không có giấy tờ gì nhưng có bà Trần Thị Hồng Ph là thành viên cùng chơi hui làm chứng. Nay ông Th khởi kiện yêu cầu bà phải thanh toán số tiền 55.000.000đ của 11 kỳ hui thì bà không đồng ý.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Ông Th mới chỉ đóng cho bà Thiện 11 kỳ hui với tổng số tiền là 36.000.000đ. Do các bên thỏa thuận lãi suất cao hơn so với quy định của pháp luật nên cần điều chỉnh lại cho phù hợp. Tuy nhiên, trong vụ án này các bên không tranh chấp về lãi suất. Ông Th chỉ yêu cầu bà thiện trả lại tiền hui mà ông đã góp của 11 kỳ nên chỉ có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Th. Buộc bà Th phải trả cho ông Thảo 36.000.000đ tiền nợ hui. Đối với lời khai của bà Th về việc có cho ông Th vay 40.000.000đ ngày 10/5/2017. Đề nghị, Hội đồng xét xử tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu. Về án phí: Ông Th phải chịu án phí đối với phần không được chấp nhận. Bà Th phải chịu án phí đối với số tiền mà ông Th được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về và quan hệ pháp luật, tư cách đương sự: Ông Th khởi kiện yêu cầu bà Bùi Thị T phải trả cho ông Th số tiền nợ nợ hui của 11 kỳ là 55.000.000đ nên căn cứ vào Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về hui”. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định ông Th là nguyên đơn, bà T là bị đơn trong vụ án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà T hiện đang sinh sống tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai căn cứ vào Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B.

[3] Về nội dung: Ông Th khởi kiện yêu cầu bà T phải thanh toán số tiền nợ hui của 11 kỳ hui với tổng số tiền là 55.000.000đ và cung cấp chứng cứ là giấy tờ ghi hui của 11 kỳ, có ghi rõ số tiền đóng và ăn mỗi kỳ, thời gian đóng do bà Thiện viết và ông Th là người ký tên (Bút lục 20). Sự việc cũng được bà T thừa nhận tại biên bản làm việc ngày 18/4/2018 (Bút lục 29). Tuy nhiên, theo ông Th trình bày tại phiên tòa và các chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện thực tế ông Th mới chỉ góp cho bà Thiện 11 kỳ hui với tổng số tiền là 36.000.000đ nên chỉ có căn chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Th.

Đối với lời khai của bà T, ngày 10/5/2017 ông Th có vay của bà số tiền 40.000.000đ có sự làm chứng của ông Nguyễn Thức T, các bên có viết giấy tay và bà đã cấn trừ số tiền này vào số tiền 55.000.000đ của 11 kỳ hui do ông Th chơi còn số tiền 15.000.000đ bà đã thanh toán đầy đủ cho ông Thảo có sự làm chứng của Trần Thị Hồng Ph. Tòa án đã lập biên bản làm việc với bà T ngày 07/5/2018 (Bút lục 35) yêu cầu bà T cung cấp cho Tòa án họ tên, địa chỉ của ông Nguyễn Thức T. Đồng thời, hướng dẫn bà T làm đơn yêu cầu phản tố đối với số tiền 40.000.000đ mà bà cho rằng ông Th đã vay của bà, yêu cầu bà T phải nộp trong hạn 01 tháng kể từ ngày 07/5/018 nhưng bà Thiện không nộp cũng không cung cấp thông tin của ông Nguyễn Thức T nên không có cơ sở xem xét. Hội đồng xét xử quyết định tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

Đối với lời khai của bà Trần Thị Hồng Ph cho rằng bà Ph cũng là thành viên chơi hui, ngày 25/1/2018 vào lúc 02 giờ 50 phút, bà có đến nhà bà Thiện để đóng hui cuối và bà đã thấy bà T giao tiền cho ông Th. Tuy nhiên, bà chỉ thấy bà T giao tiền cho ông Th còn tiền gì, số tiền bao nhiêu thì bà không biết. Như vậy, lời trình bày của bà T là không có cơ sở vì ngoài lời khai, bà T không cung cấp được bất kỳ chứng cứ nào thể hiện đã giao số tiền 15.000.000đ cho ông Th. Mặt khác, bà Ph cũng không xác định được bà T giao tiền gì, số tiền bao nhiêu cho ông Th.

[4] Về án phí: Ông Th phải chịu 950.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà T phải chịu 1.800.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, 68, Điều 147; Điều 203, Điều 220, Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Minh Th đối với bị đơn bà Bùi Thị T về việc tranh chấp về hui.

Buộc bà Bùi Thị T phải thanh toán cho ông Trương Minh Th số tiền 36.000.000đ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Bà Bùi Thị T phải chịu 1.800.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Trương Minh T phải chịu 950.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 007028, ngày 07/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Ông Th được nhận lại số tiền tạm ứng án phí còn dư là 425.000đ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố B;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Đào